TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán- Chủ toạ phiên toà: Bà Lưu Thị Hừng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vanh Si Tha

2. Bà Chế Thị Hồng Cẩm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Kim Liệu, Thư ký Toà án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn không tham gia phiên tòa

Ngày 25 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị M, sinh năm 1980;

Địa chỉ cư trú: Tổ 04, ấp B, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Lê Văn A (O), sinh năm 1977

Địa chỉ cư trú: Tổ 15, khóm A, thị trấn B, huyện TT, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn ly hôn, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Mạnh trình bày:

Về hôn nhân: Giữa bà M và ông A có thời gian quen biết, tìm hiểu nhau từ năm 1998 tự nguyện tổ chức lễ cưới và về chung sống tại khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu chung sống hạnh phúc về sau phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, chung sống nhưng không hạnh phúc dẫn đến ly thân từ năm 2000 cho đến nay chưa về chung sống

hàn gắn lại, do không thể kéo dài tình trạng hôn nhân nhưng không còn tình cảm, bà Mạnh yêu cầu ly hôn với ông An.

Về con chung: Giữa bà M và ông A có 01 con chung tên Lê Thị H T, sinh năm 1999 đã thành niên không yêu cầu giải quyết;

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Bị đơn Lê Văn A trình bày: Về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung thống nhất theo lời trình bày của bà Trần Thị M. Giữa ông A và bà M tuy có sự quen biết tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới và chung sống có con chung nhưng không đăng ký kết hôn, không phát sinh tài sản chung và nợ chung. Do nhiều mâu thuẫn bất đồng trong quan điểm và cách sống, ông A và bà M đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay. Ông A xác định không còn tình cảm với bà M và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M, về con chung tên Lê Thị H T, sinh năm 1999 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 16 tháng 9 năm 2019 bà Trần Thị M có đơn yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn A. Ông Lê Văn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 25, khóm An Định A, thị trấn Ba Chúc, huyện Tri Tôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quan hệ chung sống giữa bà M và ông A được xác lập từ năm 1998 trên cơ sở tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Qúa trình chung sống, hạnh phúc được khoảng 02 năm đầu, đến năm 2000 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính do bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, không tìm được tiếng nói chung trong đời sống vợ chồng và đã ly thân từ năm 2000 cho đến nay không còn sự quan tâm, yêu thương chăm sóc lẫn nhau mà bỏ mặc nhau tự sống. Điều này cho thấy, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà M và ông A đã trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M yêu cầu ly hôn và được ông A đồng ý, giữa bà M và ông A tự nguyện chung sống như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới, có con chung nhưng không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật thừa nhận. Do đó, cần căn cứ vào Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận bà Trần Thị M và ông Lê Văn A là vợ chồng.

[3] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà M và ông A xác định có một con chung tên Lê Thị H T , sinh năm 1999 đã thành niên, về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Trần Thị M phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Tuyên bố không công nhận bà Trần Thị M và ông Lê Văn A (On) là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0012177 ngày 19/9/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Tri Tôn. Bà Trần Thị M đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hừng